

VX-410/420 Series

Máy bộ đàm cầm tay VHF/UHF

THÔNG SỐ KỸ THUẬT CỦA SẢN PHẨM

Công cụ liên lạc tin cậy và bí mật

Các dòng máy Vertex Standard VX-410/420 cung cấp hàng loạt tính năng tích hợp bên trong một cấu trúc máy nhỏ gọn để mang đến khả năng liên lạc chất lượng cao theo nhu cầu của bạn.

Dung lượng kênh lớn dành cho liên lạc nhóm

Để đáp ứng yêu cầu của liên lạc nhóm, VX-420A có thể cung cấp dung lượng 256 kênh liên lạc chia thành 2-16 nhóm. Hoặc các máy VX410/420 với dung lượng 32 kênh được chia thành 2 nhóm 16 kênh sẽ giúp cho việc truy nhập kênh thật nhanh chóng và thuận tiện.

Thông tin liên lạc bí mật và an toàn

Tích hợp tính năng mã hóa bảo mật thoại dành cho các cuộc liên lạc riêng và điều khiển khóa bàn phím lập trình được để ngăn ngừa việc thay đổi kênh hay các chức năng không mong muốn. Tính năng này có thể rất quan trọng khi máy bộ đàm đã được giấu kín và cần tránh các tác động bất ngờ lên bàn phím của máy.

Dòng máy bộ đàm này cũng hỗ trợ tính năng Khóa tạm thời, Cấm máy và Phục hồi nhằm loại bỏ các máy bị mất hoặc thất lạc – giảm thiểu sự vi phạm an ninh liên lạc từ những đối tượng nghe lén không mong muốn.

Bổ sung bo mạch Lưu giữ âm thoại DVS-5 để ghi âm tối đa 120 giây liên lạc thoại; dùng khi cần lưu trữ các thông điệp quan trọng.

Khi độ an toàn được tính đến

Trong trường hợp cần thiết, bộ cảnh báo khẩn cấp được thiết kế bên trong sẽ chuyển mạch sang một kênh định trước và gửi đi cảnh báo khẩn cấp. Để tăng cường an toàn cho người dùng, chế độ hỗ trợ người làm việc đơn lẻ của máy chính là một bộ hẹn giờ được thiết kế bên trong cần phải được cài đặt lại sau một khoảng thời gian nhất định. Nếu không thực hiện thao tác này, máy bộ đàm sẽ tự động chuyển sang chế độ cảnh báo khẩn cấp và yêu cầu trợ giúp.

Tăng tối đa thời lượng sử dụng pin sạc

Máy bộ đàm VX-410/420 có khả năng tiết kiệm pin ở cả chế độ thu và phát. Khi thu tín hiệu, máy sẽ tự chuyển sang chế độ tiết kiệm trong khi vẫn định kỳ kiểm tra tín hiệu trên kênh. Khi phát tín hiệu, VX-410/420 sẽ tự động giảm công suất khi tín hiệu đã đủ mạnh.

ARTS™ - Hệ thống Phát Đáp tự động cảnh báo cự ly liên lạc độc đáo

Chỉ duy nhất các máy bộ đàm của hãng Vertex Standard được thiết kế với khả năng nhận định việc máy của bạn và một trạm khác được trang bị ARTS™ có nằm trong cự ly liên lạc hay không. Nếu nằm ngoài cự ly trong khoảng thời gian từ 2 phút trở lên, máy bộ đàm sẽ báo không thu được tín hiệu và đồng thời phát tiếng bíp cảnh báo cho bạn. Trạm gốc khi đó có thể thông báo tình trạng với máy thành viên để người sử dụng di chuyển trở lại về trong cự ly liên lạc cho phép. Đây là một giải pháp tuyệt vời để đảm bảo các nhân sự của bạn luôn trong tầm phối hợp.



Đỉnh



VX-420

VX-410

108.5 (C) x 58 (R) x 30 (D) mm



Sự khác biệt của Vertex Standard

Mục tiêu số một của chúng tôi là mang đến sự hài lòng tuyệt đối cho khách hàng bằng việc cung cấp các sản phẩm và dịch vụ vượt trên cả sự mong đợi của bạn. Bạn sẽ hoàn toàn tin tưởng vào Vertex Standard vì các sản phẩm bộ đàm của hãng được chế tạo để vận hành lâu bền và được thiết kế để mang lại nhiều tính năng giúp tăng hiệu quả hoàn vốn đầu tư của bạn.

Xin vui lòng tham khảo thông tin chi tiết từ Nhà Phân Phối

Các tính năng bổ sung

- 6 phím lập trình được (VX-420/420A)
- 2 phím lập trình được (VX-410)
- Màn hiển thị 8 ký tự chữ & số (VX-420/420A)
- Hiển thị số gọi đến DTMF
- Mã hóa + giải mã 2-Tone kép
- Mã hóa và giải mã CTCSS / DCS
- Bảo hiệu 5-Tone
- Bộ nén giãn
- Các chức năng BCLO, BTLO vàTOT
- Âm cảnh báo lập trình được
- Quét ưu tiên
- Quét theo đôi kép
- Quét Follow-me
- Quét Talk Around
- Sao chép thông số cài đặt trực tiếp giữa các máy

Phụ kiện

- MH-360S: Microphone có loa nhỏ gọn
- MH-37A4B: Microphone nhét trong tai
- MH-450S: Microphone có loa
- MH-45B4B: Microphone có loa chống ồn
- VH-115S: Tai nghe quàng sau đầu với micro có cần
- VH-215S: Tai nghe quàng trên đầu với ống nghe đơn có đệm tai
- VC-25: Tai nghe quàng trên đầu có VOX
- VH-120S: Tai nghe nhét trong có micro với công tắc PTT 3 dây
- VH-130S: Tai nghe nhét trong có micro với công tắc PTT 2 dây
- FNB-V67LI: Pin sạc 2000 mAh Li-Ion
- FNB-V94: Pin sạc 1800 mAh Ni-MH
- FNB-83: Pin sạc 1400 mAh Ni-MH
- FBA-25A: Hộp pin kiềm (6 pin loại AA)
- Các bộ sạc để bàn
- Các bộ sạc nhanh 6 pin
- VCM-1: Giá đỡ trên xe dành cho bộ sạc pin
- LCC-410S: Bao da với bộ kẹp thắt lưng xoay được (VX-410)
- LCC-420S: Bao da với bộ kẹp thắt lưng xoay được (VX-420A)
- CLIP-17C: Bộ kẹp thắt lưng xoay được

Bo mạch tùy chọn

- FVP-25: Bảo mật đảo âm thoại và nhấn tin DTMF
- FVP-35: Bộ bảo mật mã vòng
- DVS-5: Bo lưu trữ âm thoại
- VME-100: Bộ mã hóa MDC-1200® / GE-STAR® ANI
- VMDE-200: Bộ mã hóa/giải mã MDC-1200® / GE-STAR® ANI

Chỉ tiêu kỹ thuật của VX-410/420

	VHF	UHF
Chỉ tiêu kỹ thuật chung		
Dải tần số	134 - 160 MHz (A) [VX-410/420] 146 - 174 MHz (C)	300 - 340 MHz (K) [VX-417], 350 - 380 MHz (I) 400 - 440 MHz (AS2), 420 - 450 MHz (B) 440 - 470 MHz (CS) [VX-420A] 450 - 490 MHz (D), 490 - 520 MHz (F)
Số kênh	256 và các nhóm 2 - 16 (VX-420A) 32 (16 kênh x 2 nhóm)	
Điện áp nguồn	7.5 V DC ± 20%	
Khoảng cách kênh	12.5/20/25 kHz	
Bước vòng khóa pha	2.5 / 6.25 kHz	5 / 6.25 kHz
Thời gian sử dụng pin (chu kỳ 5-5-90) với pin FNB-V67LI 2000mAh	16 giờ (12.5 giờ không dùng chế độ tiết kiệm)	15 giờ (11.5 giờ không dùng chế độ tiết kiệm)
Mức độ bảo vệ chống thâm nhập	IP 54	
Dải nhiệt độ vận hành	-30° C đến +60° C	
Độ ổn định tần số	± 2.5 ppm	
Kích cỡ (Cao x Rộng x Dày)	108.5 x 58 x 30 mm (với pin FNB-67LI)	
Trọng lượng (Xấp xỉ)	300g (với pin FNB-67LI, anten, kẹp thắt lưng)	
Chỉ tiêu kỹ thuật máy thu đo lường theo TIA/EIA-603		
Kiểu mạch	Đổi tần 2 tầng	
Tần số trung tần	50.85 MHz & 450 kHz	
Độ nhạy (12dB SINAD)	0.25 µV	
Độ nhạy squelch	<0.20 µV	
Độ chọn lọc kênh lân cận	> 70 dB (25/20 kHz) / > 65 dB (12.5 kHz)	
Biến điệu tương hỗ	> 70 dB	
Loại trừ tín hiệu giả và tần số ảnh	> 70 dB	
Công suất âm thanh	500mW @ 4 Ohms 5% THD	
Chỉ tiêu kỹ thuật máy phát đo lường theo TIA/EIA-603		
Công suất đầu ra	5 / 1 W	
Kiểu điều chế	16K0F3E, 11K0F3E	
Bức xạ tín hiệu giả truyền dẫn	70 dB dưới sóng mang	
Nhiều và tiếng rít FM	>45 dB	
Độ méo âm tần	< 3 % @ 1kHz	
Kiểu microphone	2-k Ohms kiểu tụ điện	

Các tiêu chuẩn quân sự áp dụng

Tiêu chuẩn	Các phương pháp/ thủ tục MIL 810D	Các phương pháp/ thủ tục MIL 810E	Các phương pháp/ thủ tục MIL 810F
Áp suất thấp	500.2/Thủ tục I, II	500.3/Thủ tục I, II	500.4/Thủ tục I, II
Nhiệt độ cao	501.2/Thủ tục I, II	501.3/Thủ tục I, II	501.4/Thủ tục I, II
Nhiệt độ thấp	502.2/Thủ tục I	502.3/Thủ tục I, II	502.4/Thủ tục I, II
Độ biến nhiệt độ	505.2/Thủ tục I	505.3/Thủ tục I	505.4/Thủ tục I, II
Mưa	506.2/Thủ tục I,II	506.3/Thủ tục I,II	506.4/Thủ tục I, III
Độ ẩm	507.2/Thủ tục II, III	507.3/Thủ tục II, III	507.4/Thủ tục I
Sương muối	509.2/Thủ tục I	509.3/Thủ tục I	509.4/Thủ tục I
Bụi	510.2/Thủ tục I	510.3/Thủ tục I	510.4/Thủ tục I
Rung xóc	514.3/Thủ tục hạng 10	514.4/Thủ tục hạng 10	514.5/Thủ tục hạng 10
Va đập	516.3/Thủ tục I,IV	516.4/Thủ tục I, IV	516.5/Thủ tục I, IV